

Số: 3180 /SGDDĐT-KHTC

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 10 năm 2013

V/v: hướng dẫn thực hiện các cơ sở
giáo dục đủ điều kiện được hưởng
chính sách phát triển xã hội hóa

Kính gửi: - Các Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thị xã, thành phố;
- Các trường Trung học phổ thông ngoài công lập.

Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh hướng dẫn các cơ sở giáo dục ngoài công lập trên địa bàn Tỉnh đủ điều kiện được hưởng chính sách phát triển xã hội hóa theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ Tướng Chính Phủ; văn bản số 13532/BTC-QLCS ngày 23/9/2009 của Bộ Tài chính về miễn, giảm tiền sử dụng đất, thuê đất theo chính sách xã hội hóa cụ thể như sau:

1. Các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông (có liên cấp học) ngoài công lập trên địa bàn Tỉnh.

Căn cứ vào quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ Tướng Chính Phủ; Văn bản số 13532/BTC-QLCS ngày 23/9/2009 của Bộ Tài chính, đối chiếu với các tiêu chuẩn nếu thấy đủ điều kiện theo văn bản hướng dẫn trên, các cơ sở giáo dục ngoài công lập làm thủ tục theo hướng dẫn gửi văn bản về cơ quan chủ quản để được xác nhận và gửi về cơ quan thuế để được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo chính sách xã hội hóa (có văn bản photo gửi kèm).

2. Đối với các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo để xác nhận. Riêng đối với các trường Trung học phổ thông (có liên cấp) gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh.

Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh đề nghị các Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thị xã, thành phố, phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục đủ điều kiện để được hưởng chính sách xã hội hóa trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố. /

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở;
- Cục thuế Tỉnh;
- Các phòng, VP, Thanh tra Sở;
- Công TTĐT;
- Lưu: KHTC, VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ngô Văn Hợi

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2008

Số: 1466/QĐ-TTg

QUYẾT ĐỊNH

DANH MỤC CHI TIẾT CÁC LOẠI HÌNH, TIÊU CHÍ QUY MÔ, TIÊU CHUẨN CỦA CÁC CƠ SỞ THỰC HIỆN XÃ HỘI HÓA TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO, DẠY NGHỀ, Y TẾ, VĂN HÓA, THỂ THAO, MÔI TRƯỜNG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa theo quy định của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ.

Trong quá trình thực hiện, các danh mục nêu tại Điều này sẽ được xem xét, điều chỉnh, bổ sung bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực hiện xã hội hóa và sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Bộ trưởng các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Lao động – Thương binh và Xã hội, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường theo chức năng quản lý nhà nước được phân công, chịu trách nhiệm hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện thành lập của các cơ sở thực hiện xã hội hóa và thứ tự ưu tiên trong từng lĩnh vực thuộc danh mục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí Thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCD TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- BQL KKTCKQT Bờ Y;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b)

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Thiện Nhân

DANH MỤC

LOẠI HÌNH, TIÊU CHÍ QUY MÔ, TIÊU CHUẨN CỦA CÁC CƠ SỞ ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN XÃ HỘI HÓA
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 69/2008/NĐ-CP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ)

I. DANH MỤC LOẠI HÌNH, TIÊU CHÍ QUY MÔ, TIÊU CHUẨN CỦA CÁC CƠ SỞ THỰC HIỆN XÃ HỘI HÓA TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC

A. ĐỐI VỚI GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG

| Cơ sở giáo dục | Quy mô tối thiểu | Số trẻ, học sinh tối đa/1 lớp, nhóm trẻ | Diện tích đất tối thiểu | Tiêu chuẩn | Điều kiện để được ưu đãi |
|-------------------------------|------------------|--|-----------------------------|--|---|
| Trường mầm non | | | | Điều lệ trường mầm non theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo | Thẩm định thành lập, định kỳ kiểm tra |
| Thành phố, thị xã | 100 trẻ | 3-12 tháng tuổi: 15 trẻ 13-24 tháng tuổi: 20 trẻ | 8 m ² /trẻ | | Đảm bảo huy động ổn định ít nhất 3 năm. Hàng năm huy động tối thiểu đạt 100 trẻ |
| Nông thôn, miền núi | 50 trẻ | 25-36 tháng tuổi: 25 trẻ 3-4 tuổi: 25 trẻ 4-5 tuổi: 30 trẻ 5-6 tuổi: 35 trẻ | 12 m ² /trẻ | | Đảm bảo huy động ổn định ít nhất 3 năm. Hàng năm huy động tối thiểu đạt 50 trẻ |
| Trường tiểu học | | | | Điều lệ trường tiểu học theo Quyết định số 51/2007/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo | Thẩm định thành lập, định kỳ kiểm tra. |
| Thành phố, thị xã | 10 lớp | 35 | 6 m ² /học sinh | | Đảm bảo nhập học ổn định ít nhất 4 năm. Hàng năm nhập học tối thiểu là 4 lớp |
| Nông thôn, miền núi | 5 lớp | 35 | 10 m ² /học sinh | | Đảm bảo nhập học ổn định ít nhất 4 năm. Hàng năm nhập học tối thiểu là 2 lớp |
| Trường trung học cơ sở | | | | Điều lệ trường trung học cơ sở theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 4 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo | Thẩm định thành lập, định kỳ kiểm tra |
| Thành phố, thị xã | 8 lớp | 45 | 6 m ² /học sinh | | Đảm bảo nhập học ổn định ít nhất 4 năm. Hàng năm nhập học tối thiểu là 4 lớp |
| Nông thôn, miền núi | 4 lớp | 45 | 10 m ² /học | | Đảm bảo nhập học ổn định ít |

| | | | | | |
|-----------------------------------|-------|----|-----------------------------|--|---|
| | | | sinh | | nhất 4 năm. Hàng năm nhập học tối thiểu là 2 lớp |
| Trường trung học phổ thông | | | | Điều lệ trường trung học phổ thông theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 4 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo | Thẩm định thành lập, định kỳ kiểm tra |
| Thành phố, thị xã | 6 lớp | 45 | 6 m ² /học sinh | | Đảm bảo nhập học ổn định ít nhất 3 năm. Hàng năm nhập học tối thiểu đạt 4 lớp |
| Nông thôn, miền núi | 3 lớp | 45 | 10 m ² /học sinh | | Đảm bảo nhập học ổn định ít nhất 3 năm. Hàng năm nhập học tối thiểu đạt 2 lớp |

Số: 135/Đ/BTC-QLCS

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2009

V/v hồ sơ, trình tự, thủ tục và thẩm quyền miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong thực hiện các chính sách khuyến khích XHH; kinh doanh vận tải hành khách công cộng.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh ~~Thành phố trực thuộc~~ Trung ương

Việc miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo chính sách khuyến khích xã hội hóa quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ và Quyết định số 62/2009/QĐ-TTg ngày 20/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về miễn tiền thuê đất để xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách công cộng được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước. Dưới đây, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể một số quy định về hồ sơ, trình tự thủ tục và thẩm quyền miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất như sau:

1- Hồ sơ, trình tự thủ tục; thẩm quyền miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ.

1- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ thực tế của địa phương ban hành văn bản quy định miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với đất đô thị, đất ở sử dụng cho lĩnh vực xã hội hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP và Mục II Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính làm cơ sở đề cơ quan Thuế thực hiện miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

2- Hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất gồm:

- Tờ khai nộp tiền sử dụng đất ban hành kèm theo Thông tư số 117/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ đối với trường hợp Nhà nước giao đất; Tờ khai nộp tiền thuê đất theo mẫu số 01-05/TTĐ ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 30/2005/TTLT/BTC-BTNMT ngày 18/4/2005 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp Nhà nước cho thuê đất (Bản chính);

- Quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp Nhà nước giao đất; Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm

quyền, Hợp đồng thuê đất đối với trường hợp Nhà nước cho thuê đất. (Bản sao có công chứng);

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư, các văn bản xác nhận cơ sở xã hội hóa có đủ tiêu chuẩn, điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa theo quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở xã hội hóa trong lĩnh vực xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường. (Bản sao có công chứng).

3- Trình tự, thủ tục; thẩm quyền miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

a- Trình tự, thủ tục miễn, giảm tiền sử dụng đất thực hiện theo quy định tại Mục IV, Phần C Thông tư số 117/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất.

Thẩm quyền miễn, giảm tiền sử dụng đất thực hiện theo quy định tại Mục V, Phần C Thông tư số 117/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ Tài chính.

b- Trình tự, thủ tục miễn, giảm tiền thuê đất thực hiện theo quy định tại Mục IX Thông tư số 141/2007/TT-BTC ngày 30/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 của Bộ Tài chính.

Thẩm quyền miễn, giảm tiền thuê đất thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

4- Đối với dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xã hội hóa, việc thực hiện chính sách ưu đãi về đất như sau:

- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư (đối với dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xã hội hóa trên địa bàn tỉnh, thành phố) có ý kiến bằng văn bản về đối tượng được xem xét hưởng chính sách ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực xã hội hóa gửi Bộ Kế hoạch Đầu tư và các Bộ quản lý chuyên ngành có liên quan về lĩnh vực xã hội hóa.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ quản lý chuyên ngành có liên quan xem xét có ý kiến thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định về đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực xã hội hóa; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ để quyết định mức hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ làm cơ sở để cơ quan Thuế thực hiện miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

II- Hồ sơ; trình tự thủ tục; thẩm quyền miễn tiền thuê đất theo quy định của Quyết định số 62/2009/QĐ-TTg ngày 20/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

1- Hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất gồm:

Hồ sơ xét miễn tiền thuê đất đối với dự án được Nhà nước cho thuê đất kinh doanh vận tải hành khách công cộng tại các quận, thành phố, thị xã thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gồm:

a- Tờ khai nộp tiền thuê đất: Tờ khai tiền thuê đất theo mẫu số 01-05/TTĐ ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 30/2005/TTLT/BTC-BTNMT ngày 18/4/2005 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường (bản chính);

b- Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Hợp đồng thuê đất (bản sao có công chứng);

c- Văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền về phê duyệt dự án đầu tư kinh doanh vận tải hành khách công cộng tại các quận, thành phố, thị xã thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (bản sao có công chứng).

2- Trình tự, thủ tục; thẩm quyền miễn tiền thuê đất.

- Trình tự, thủ tục miễn tiền thuê đất thực hiện theo quy định tại Mục IX Thông tư số 141/2007/TT-BTC ngày 30/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 của Bộ Tài chính.

- Thẩm quyền miễn tiền thuê đất thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài chính về hồ sơ, trình tự, thủ tục và thẩm quyền miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong thực hiện các chính sách khuyến khích xã hội hóa; kinh doanh vận tải hành khách công cộng. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để phối hợp xử lý./.

Nơi nhận: /

- Như trên;
- Sở Tài chính, Cục Thuế và Sở TN&MT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- TCT, Vụ HCSN;
- Vụ CS Thuế, Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, QLCS.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Công Nghiệp